

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 426/2023/HSPT
Ngày: 14/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lý - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hình sự thụ lý số 440/2023/TLPT-HS ngày 25 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Lê Thị Hồng T do có kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2023/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**** Bị cáo bị kháng cáo:***

Lê Thị Hồng T, sinh năm 1974 tại U, tỉnh Quảng Ninh; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ A, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Kinh doanh; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: Đại học; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; con ông Lê Văn L (đã chết) và bà Chu Thị V, sinh năm 1953; có chồng Chu Xuân T1, sinh năm 1973 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2022, đến ngày 25/7/2022 được gia đình Bảo lãnh. Hiện nay đang được tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*** Bà Không Đoàn P, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ D, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình điều tra vụ án Tham ô tài sản, xảy ra tại Công ty TNHH đầu tư ,

phát triển và môi trường tỉnh C (Công ty M) xác định được: Từ năm 2016 đến năm 2020, H kinh doanh Lê Thị Hồng T, có MST 4800168351, địa chỉ: Tổ A, phường S, thành phố C do Lê Thị Hồng T làm chủ hộ, kinh doanh các mặt hàng: Bán lẻ phụ tùng ô tô, xe máy, máy nông nghiệp, ngư nghiệp, hàng sắt, đồ dụng cụ cơ khí cầm tay, ty ô các loại, văn phòng phẩm, đồ điện tử, đồ gia dụng, vật liệu bảo ôn, dầu mỡ các loại, đồ điện cao hạ thế, vật liệu xây dựng, đầu nổ, dụng cụ máy khoan đá, nén khí. Trong quá trình kinh doanh T đã xuất 16 hóa đơn không, trong đó: 06 hóa đơn không cho Công ty M do Chu Văn B làm Giám đốc; Ma Thị Thu H1 làm kế toán trưởng; 07 hóa đơn (02 hóa đơn không toàn bộ, 05 hóa đơn không một phần) cho Công ty TNHH T7 (Địa chỉ: Tổ B, phường S, thành phố C) do Chu Văn T2 làm Giám đốc, Chu Thị T3 làm kế toán; 03 hóa đơn không cho Hợp tác xã D có địa chỉ tại: Thôn D, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh, cụ thể:

Từ năm 2016 đến năm 2018, T xuất 06 hóa đơn không cho Công ty M với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là **1.891.843.000** đồng. Trong đó, gồm: 03 hoá đơn thuê ô tô, máy xúc thực hiện việc đào, xúc, vận chuyển rác thải với tổng số tiền là: 1.504.290.000 đồng; 01 hoá đơn thể hiện nội dung mua bán vật tư, hàng hoá với số tiền là: 289.277.000 đồng; 01 hóa đơn thuê khoán nhân công với số tiền: 80.936.000 đồng; 01 hóa đơn vật tư điện chiếu sáng đô thị với số tiền: 18.340.000 đồng. Thực tế T không tham gia thực hiện việc đào, xúc, vận chuyển rác thải; không được bán hàng hóa, vật tư phục vụ thi công các hạng mục thu gom nước rác, giếng thu khí ga, cột chống sét... thuộc công trình đóng cửa bãi rác phường Đ năm 2016 và 2018; không tham gia thực hiện thi công bãi chôn lấp rác thải thị trấn H, huyện T năm 2017; không được bán vật tư điện chiếu sáng thị trấn N, huyện H cho Công ty M năm 2017. Toàn bộ số tiền trên sau khi Công ty M thanh toán vào tài khoản của Lê Thị Hồng T, thì T trừ tiền phần trăm hóa đơn với tổng số tiền 162.839.100 đồng (tương ứng từ 5% đến 13%), trong đó: T kê khai nộp thuế 1,5% tương ứng với số tiền 28.392.645 đồng, hưởng lợi 134.446.455 đồng. Đối với tiền thuê đào, xúc, vận chuyển rác thải thì T rút tiền mặt và chuyển lại cho Ma Thị Thu H1 là Kế toán trưởng Công ty môi trường tỉnh C; Đối với hóa đơn bán vật tư, hàng hóa, vật tư điện, thuê khoán nhân công thì T chuyển vào tài khoản của Trần Quốc T4 là kế toán viên của Công ty M.

Từ năm 2018 đến năm 2020 T xuất không 07 hoá đơn cho Công ty TNHH T7 với tổng số tiền không ghi trên hóa đơn là **117.522.250 đồng**. Trong đó: xuất 02 hoá đơn không toàn bộ tiền thuê khoán nhân công thi công sửa chữa nền móng đường tỉnh lộ 205 (Q - C - T) năm 2019, tổng số tiền ghi trên hóa đơn là: 79.997.000 đồng, thực tế T không tham gia thực hiện việc sửa nền móng đường như nội dung hóa đơn thanh toán. Sau khi Công ty TNHH T7 thanh toán tiền vào tài khoản của Lê Thị Hồng T, thì T trừ tiền phần trăm hóa đơn với tổng số tiền 7.986.500 đồng (tương ứng từ 2,5% - 17%), số tiền trên T thực hiện việc kê khai nộp thuế với tổng số tiền 3.599.864 đồng tương ứng với 4,5%, hưởng lợi với tổng

số tiền 4.386.636 đồng. Số tiền còn lại T chuyển lại cho Công ty TNHH T7 qua tài khoản Chu Thị T3 (Kế toán Công ty). Xuất 05 hóa đơn không một phần, trên hóa đơn thể hiện bán nhiều loại hàng hóa, tuy nhiên đối với mặt hàng về gỗ như: Gỗ cốt pha, gỗ ván phủ phin, gỗ đà nẹp là do Chu Thị T3 đề nghị T ghi thêm vào các hóa đơn với tổng số tiền ghi không là 37.525.000 đồng, sau khi Công ty TNHH T7 chuyển tiền vào tài khoản của Lê Thị Hồng T, thì T trừ tiền phần trăm hóa đơn với số tiền 1.876.250 đồng, tương ứng với 5% số tiền ghi trên hóa đơn, T đã kê khai nộp thuế với tổng số tiền 562.875 đồng tương ứng 1,5%; hưởng lợi 1.313.375 đồng, số còn lại chuyển cho Công ty T7 qua tài khoản của Chu Thị T3.

Ngoài ra vào tháng 10/2019, Lê Thị Hồng T còn xuất 03 hóa đơn không các mặt hàng máy móc xây dựng (máy trộn bê tông, máy bơm vữa, máy đầm) cho Hợp tác xã D có địa chỉ tại: Thôn D, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh do Phương Văn M làm Giám đốc, với tổng số tiền là 57.800.000 đồng, 03 hóa đơn trên là do một người (không biết tên tuổi, địa chỉ) của Hợp tác xã D nhờ Nguyễn Thị T5 mua hóa đơn, sau khi Nguyễn Thị T5 chuyển tiền cho Lê Thị Hồng T, thì T giữ lại 2.890.000 đồng tương ứng 05% tổng số tiền ghi trên hóa đơn và chuyển lại vào tài khoản của Nguyễn Thị T5. Số tiền trên Lê Thị Hồng T kê khai nộp thuế 867.000đ tương ứng với 1,5%, hưởng lợi 2.023.000đ.

Quá trình điều tra còn xác định được ngoài hành vi bán trái phép hóa đơn thì Lê Thị Hồng T còn có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cụ thể: Ngày 16/10/2020, T cho Khổng Đoan P (sinh năm 1971, trú tại: Tổ D, phường H, thành phố C) vay số tiền 360.000.000 đồng, lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, P thế chấp bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến cuối tháng 12/2020, T tiếp tục cho Khổng Đoan P vay với số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 6.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Sau khi vay được 04 ngày thì Vũ Khổng Hoài T6 là con gái của Khổng Đoan P đã trả cả gốc và lãi cho T với tổng số tiền 82.400.000 đồng, T đã thu tiền lãi với số tiền 2.400.000 đồng (tương ứng với 274%/năm) cao hơn lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự quy định là 13,7 lần. Sau đó, T tiếp tục cho P vay 100.000.000 đồng với lãi suất 6.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, quá trình vay T6 là người trực tiếp trả lãi qua tài khoản ngân hàng cho T, theo đó thì từ ngày 11/01/2021 đến ngày 04/3/2021 trong thời gian 67 ngày, T6 đã trả lãi cho T với tổng số tiền 40.200.000 đồng tương ứng với lãi suất 219%/năm cao hơn lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự quy định 10,95 lần. Đến ngày 28/4/2021 thì P, T6 không có khả năng chi trả lãi và gốc (cả hai khoản vay: 360.000.000 đồng và 100.000.000 đồng). Đến ngày 16/11/2022, P đã chuyển toàn bộ số tiền gốc 460.000.000 đồng của cả 02 khoản vay. Theo quy định số tiền lãi mức cao nhất của Bộ luật Dân sự là 20%/năm tương ứng với số tiền T được hưởng từ 02 khoản vay 80.000.000 đồng và 100.000.000 đồng là 3.846.575 đồng. Như vậy Lê Thị Hồng T đã thu lợi bất chính đối với 02 khoản vay trên là 38.752.767 đồng. Quá trình điều tra Lê Thị Hồng T đã nộp số tiền hưởng lợi bất

chính là 85.000.000 đồng.

Hành vi của Lê Thị Hồng T đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ khởi tố trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2023/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã tuyên bố bị cáo Lê Thị Hồng T phạm tội: “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt Lê Thị Hồng T 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Lê Thị Hồng T 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung cả 02 tội đối với bị cáo phải nộp số tiền là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

** Về biện pháp tư pháp:* Đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Truy thu nộp vào ngân sách nhà nước:

+ Số tiền gốc 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) do bị cáo Lê Thị Hồng T thực hiện hành vi phạm tội.

- Số tiền lãi suất tương ứng với lãi suất 20%/năm là 3.846.575 (Ba triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy năm đồng).

Tổng cộng bị cáo phải nộp số tiền **183.846.575đ** (Bằng chữ: Một trăm tám ba triệu tám trăm bốn sáu nghìn năm trăm bảy lăm đồng) vào ngân sách Nhà nước.

** Buộc bị cáo phải trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Không Đoàn P, sinh năm 1971, địa chỉ: Tổ D, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Khoản tiền thu lợi bất chính với tổng số tiền là: 38.752.767đ (*Ba mươi tám triệu bảy trăm năm hai nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*).

** Về xử lý vật chứng:* Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả cho Lê Thị Hồng T 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA96111 mang tên Không Đoàn P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng khác, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 07 và 09 tháng 3 năm 2023 và Biên bản ngày 22/3/2023, người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Khổng Đoan P có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại đối với tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự về khoản tiền cho vay, tiền lãi, thu lợi bất chính, xem xét lại việc xử lý vật chứng là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 961111 mang tên Khổng Đoan P.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Khổng Đoan P có ý kiến: Xác định nội dung kháng cáo đề nghị xem xét lại việc xử lý vật chứng là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 961111 mang tên Khổng Đoan P trả lại cho Khổng Đoan P.

Bị cáo Lê Thị Hồng T có ý kiến: Đồng ý trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Khổng Đoan P 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 961111 mang tên Khổng Đoan P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị Hồng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Khổng Đoan P thỏa thuận đề nghị tuyên trả cho Khổng Đoan P 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 961111 mang tên Khổng Đoan P. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận thỏa thuận, trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 961111 mang tên Khổng Đoan P cho Khổng Đoan P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Khổng Đoan P đảm bảo thời hạn, phù hợp quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Khổng Đoan P đề nghị xem xét lại đối với việc xử lý vật chứng là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 961111 mang tên Khổng Đoan P:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị Hồng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Khổng Đoan P thỏa thuận thống nhất đề nghị tuyên trả cho bà Khổng Đoan P 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 961111 mang tên Khổng Đoan P. Việc thỏa thuận là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận, sửa bản án sơ thẩm, tuyên trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

BA 961111 cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Khổng Đoan P là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về tiền phạt và biện pháp tư pháp: Ghi nhận bị cáo Lê Thị Hồng T đã nộp 200.000.000đ tại Biên lai thu tiền số 0004035 ngày 28/02/2023 và 284.046.575 đồng tại Biên lai thu số 0005013 ngày 24/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng, tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[4] Về án phí phúc thẩm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Khổng Đoan P không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 106; điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Lê Thị Hồng T và bà Khổng Đoan P; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2023/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, như sau:

Về vật chứng: Trả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 961111 ngày 07/6/2010 của Ủy ban nhân dân thị xã C, tỉnh Cao Bằng cấp mang tên Khổng Đoan P cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Khổng Đoan P.

2. Ghi nhận bị cáo Lê Thị Hồng T đã nộp 200.000.000đ tại Biên lai thu tiền số 0004035 ngày 28/02/2023 và 284.046.575 đồng tại Biên lai thu số 0005013 ngày 24/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng, tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

3. Về án phí: Bà Khổng Đoan P không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Bị cáo Lê Thị Hồng Thủy (theo địa chỉ);
- Bà Khổng Đoan Phượng (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hoa